

Bản án số: 36/2019/HS-ST  
Ngày 11-11-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

|                                       |                        |
|---------------------------------------|------------------------|
| <i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i> | Ông Nguyễn Văn Thư     |
| <i>Thẩm phán:</i>                     | Ông Bùi Thanh Thảo     |
| <i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>         | Ông Trương Thanh Tuyết |
|                                       | Ông Thạch Lực          |
|                                       | Bà Nguyễn Thị Linh     |

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 05 và 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1965; bị cáo có 01 người em sinh năm 1992, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2014 đến ngày 17/10/2014 được tại ngoại và sau đó bị bắt tạm giữ, tạm giam theo quyết định truy nã từ ngày 12/5/2016 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc T: Ông Hoàng Minh Q thuộc Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Số 491 – QL.14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

***- Bị hại:***

1. Ông Nguyễn Phúc V, sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

2. Ông Trần N, sinh năm: 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

4. Ông Đỗ Cao Duy L, sinh năm: 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: 165 Phạm Ngũ Lão, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương

5. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 13, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

2. Ông Nguyễn Trường A, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: 453/40/69, tổ 3, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình  
Dương

3. Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: 4/78 khu phố H 1, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương

4. Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 199, quốc lộ 14, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh  
Bình Phước

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: 90/4 đường H L, phường 11, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

**- Người làm chứng:**

Ông Vũ Đ Nam C, sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc T là người không có nghề nghiệp, bản thân không có tài sản hay nguồn thu nhập, lợi dụng dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái có thủ tục đơn giản, để có tiền tiêu xài, T nhiều lần thuê xe ô tô tự lái của người khác, sau đó làm giả hồ sơ đăng ký xe gồm: giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường

bộ, biển số xe, giấy chứng minh nhân dân của chủ sở hữu rồi đem đến các tiệm cầm đồ cầm cố lấy tiền rồi chiếm đoạt. Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2015 T đã thực hiện 05 vụ phạm tội cụ thể như sau:

**1. Vụ thứ nhất:** Với ý định thuê xe của người khác sau đó mang xe đi cầm cố lấy tiền rồi chiếm đoạt. Ngày 18/8/2014, Trần Quốc T đến thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Zace biển số 93A-039.45 của anh Nguyễn Huy B, sinh năm 1979, ngụ tại: khu phố T, phường T, thị xã Đ (nay thuộc thành phố Đ), tỉnh Bình Phước với giá thuê 20.000.000đ/tháng, thời hạn thuê là 01 tháng, việc thuê xe không lập hợp đồng. T đưa trước cho anh B 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và anh B giao xe cùng bản gốc giấy tờ xe cho T (BL143,144). Sau khi thuê được xe, ngày 20/8/2014, T đến gặp anh Vũ Đức Nam C, sinh năm 1988, HKTT: khu phố T, phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước nói dối với C là “xe của người chú”, do đang kẹt tiền nên nhờ C mang đi cầm dùm vài hôm T sẽ trả lại tiền chuộc xe. Tin tưởng T, C mang xe đến cửa hàng cầm đồ “V Tín” địa chỉ: số 379, đường P, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước của anh Nguyễn Phúc V, sinh năm 1988, HKTT: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để cầm cố chiếc xe trên với giá 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 2.000đ/triệu/ngày (hai nghìn đồng), việc cầm xe có giấy biên nhận. Sau khi cầm xe cho V, C đưa hết tiền và giấy biên nhận cho T. Hai ngày sau, T tiếp tục nhờ C đến gặp anh V đề nghị tăng số tiền cầm xe thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và được anh V đồng ý. Anh V ghi lại hợp đồng thế chấp với số tiền là 120.400.000đ (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó tiền cầm cố 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi 02 ngày đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng). C đưa hết tiền cầm cố và biên nhận cho T.

Ngày 18/9/2014 đến hạn trả xe nhưng T không trả nên anh B điện thoại yêu cầu T trả xe. Để tạo lòng tin, T đến gặp anh V chuộc lại xe ô tô 93A-039.45 trả cho anh B, đồng thời tiếp tục đề nghị thuê tiếp 07 ngày nữa với giá 2.000.000đ/01 ngày thì anh B đồng ý, việc thuê xe không lập thành hợp đồng. T trả trước tiền thuê xe cho anh B 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Sau đó T tiếp tục đem xe đến cầm cho anh V lấy 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) rồi chiếm đoạt số tiền này. Ngày 26/9/2014, qua tìm hiểu anh B biết T đã mang xe đi cầm cố nên làm đơn tố cáo T đến Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[Bút lục số 149-154; 233-235; 250-252; 419-422; 756-757; 768-773; 788-789; 806-807]

**2. Vụ thứ hai:** Với thủ đoạn tương tự, ngày 06/9/2014 Trần Quốc T đến Công ty TNHH TM vận tải và du lịch Gia Đình V, địa chỉ 99C đường Phở Quang, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, HKTT: 90/4 đường H, phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc đề thuê xe ô tô Toyota Camry, BKS 51A-227.28 (xe thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Đ Đ, sinh năm 1971, ngụ tại: 173A đường Q, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30/6/2014, anh Đ cho Công ty Gia Đình V thuê với giá 17.000.000đ/tháng) với giá 26.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê xe từ tháng 9/2014 đến hết tháng 12/2014, khi thuê xe không lập hợp đồng, T trả trước số tiền thuê xe ô tô là 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng). Anh Nguyễn Văn T giao cho T bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe, bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Sau khi thuê xe, T lên mạng Internet vào các trang quảng cáo làm giấy tờ giả và liên lạc qua số điện thoại 0168399744 với một người tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê làm giả 01 bộ hồ sơ Đăng ký xe ô tô gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 00109 đứng tên Trần Quốc T, 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 183803 và 02 biển số giả 93A- 052.27 với giá tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Theo yêu cầu của Đ, T chụp hình Giấy chứng nhận đăng ký xe và Giấy nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô 51A-227.28 gửi qua địa chỉ Email giấy-tờ-bằng-cap@gmail.com cho Đ để lấy thông tin. Vài ngày sau, T nhận các giấy tờ giả từ một người đàn ông khoảng 60 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch) tại 01 quán cà phê không rõ tên quán gần ngã tư đường Phan Văn Trị và Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/9/2014, T sử dụng bộ hồ sơ đăng ký xe ô tô giả cùng xe ô tô 51A-227.28 của anh Nguyễn Văn T nhưng gắn biển số giả 93A-052.27 mang đi cầm cho ông Trần N, sinh năm 1961, ngụ tại: khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước tại nhà của ông N. Khi gặp ông N, T nói với ông N rằng xe trên là xe của T đồng thời đưa cho ông N bộ hồ sơ đăng ký xe ô tô giả nhằm mục đích để ông N tin tưởng và nhận cầm cố xe. Ông N kiểm tra các giấy tờ rồi đồng ý nhận cầm cố xe ô tô trên với giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) việc cầm cố có lập giấy viết tay, không thể hiện thời hạn cầm cố và lãi suất cầm cố. Sau khi lấy được tiền, trên đường về T điện thoại cho ông N cho cầm thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ông N đồng ý. T viết giấy biên nhận mượn ông N 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) rồi gửi xe taxi đem đến giao cho ông N, ngày hôm sau ông N đã chuyển 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho T qua số tài khoản 9704180031035413 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi

nhánh Bình Phước. Tổng cộng số tiền T nhận được của ông N là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 259 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Phôi giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô”, số 000109, ghi ngày 20/05/2014; ghi tên chủ xe Trần Quốc T, sinh năm 1990 địa chỉ: Khu phố T, phường T, Đ, Bình Phước; xe có biển số đăng ký 93A-052.27 là phôi giả; chữ ký là giả; hình dấu tròn là giả.

- Phôi “Giấy chứng nhận kiểm định”, số KA 1838083, ghi ngày 28/05/2014; ghi tên xe kiểm định có biển đăng ký 93A-052.27 là phôi giả; chữ ký là chữ ký sao chụp; hình dấu tròn là giả. [BL 86-87]

[Bút lục số 75; 80-81; 86-87; 119-126; 157-164; 756-761; 766-767; 772-773; 784-785; 790-795; 816-818]

**3. Vụ thứ ba:** Cũng thủ đoạn trên, vào tháng 8/2014 T thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Sonata, biển số 60A-014.74 của anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1983, HKTT: 453/40/69, tổ 03, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (xe thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956, HKTT: 7/1A, tổ 18C, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. A thuê lại của bà N với giá 19.000.000đ/tháng) với giá 23.000.000 đồng/tháng (Hai mươi ba triệu đồng). Sau khi thuê được xe ô tô nêu trên T tiếp tục điện thoại cho Đ (không rõ lai lịch) để thuê người này làm giả 01 bộ giấy tờ xe đứng tên Trần Quốc T gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm, 01 biển số xe giả với mục đích mang đi cầm cố để chiếm đoạt tiền cầm cố.

Ngày 23/9/2014 do cần tiền gấp nên T gọi điện thoại cho ông N để hỏi cầm cố chiếc xe trên. Lúc này Đ chỉ mới làm cho T 01 giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô”, số 000163, ghi ngày 03/09/2014; ghi tên chủ xe Trần Quốc T, địa chỉ: T, T, Đ, Bình Phước; xe có biển số đăng ký 93A-060.09 còn giấy đăng kiểm và biển số giả Đ hẹn một tuần sau mới giao cho T. T nói dối với ông N là có 01 chiếc xe Sonata chưa kịp sang tên muốn cầm cố thì ông N đồng ý. Do trước đó T đã cầm chiếc xe Camry, nên khi T đưa xe đến ông N không kiểm tra giấy tờ mà đồng ý cho T vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), không lập giấy vay chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Ngày 08/10/2014, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiến hành bắt khẩn cấp Trần Quốc T và thu giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe số 000163.

Tại kết luận giám định số 259 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Phôi giấy “Chứng nhận đăng ký xe ô tô”, số 000163, ghi ngày 03/09/2014; ghi tên chủ xe Trần Quốc T, địa chỉ: T, T, Đ, Bình Phước; xe có biển số đăng ký 93A-060.09 là phôi giả; chữ ký là chữ ký sao chụp; hình dấu tròn là giả. [BL 86-87]

[BL 790-795; 810-811; 760-761; 766-767; 773; 780-785]

Ngày 07/01/2015, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ thay đổi biện pháp ngăn chặn và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Quốc T.

Trong thời gian được tại ngoại, cũng với thủ đoạn trên T tiếp tục thực hiện thêm 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

**4. Vụ thứ tư:** Ngày 06/7/2015 T đến nhà anh Trần Quốc T, sinh năm 1982, ngụ tại 4/78 khu phố H 1, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61P1-5706 với giá 600.000đ/01 ngày kèm theo giấy tờ xe, thời hạn thuê 05 ngày, việc thuê xe thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng. T trả trước cho anh T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền thuê xe để tạo lòng tin. Sau đó, T thuê người (không rõ lai lịch) làm giả giấy Chứng minh nhân dân đứng tên Trần Quốc T nhưng hình ảnh trên giấy là hình ảnh của T, rồi mang giấy tờ xe cùng chiếc ô tô cầm cho anh Đỗ Cao Duy L, sinh năm 1986, HKTT: 556 C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để chiếm đoạt tiền cầm cố. Sau khi kiểm tra thông tin Chứng minh nhân dân kèm giấy tờ xe thấy trùng khớp và hình trên chứng minh nhân dân là hình ảnh của T, anh L đồng ý nhận cầm cố xe ô tô trên với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn cầm cố 01 tháng từ ngày 08/7/2015 đến ngày 08/8/2015, lãi suất 4,2%/tháng được thể hiện trong hợp đồng cầm cố. L giao trước cho T 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền mặt, số tiền còn lại T nói với L chuyển khoản qua tài khoản số 060054518539 mang tên Trần Quốc T mở tại Ngân hàng Sacombank, tài khoản này là tài khoản của em trai T, L tin tưởng và trong ngày 08/7/2015 L chuyển cho T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) qua tài khoản này. Đến ngày 09/7/2015 và 15/7/2015 T gọi cho L để lấy thêm tiền cầm cố, mỗi lần lấy 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), L đồng ý và tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản Sacombank của T. Tổng số tiền T đã cầm cố là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Quá trình L sử dụng xe ô tô trên làm phương tiện đi lại thì gặp anh T nên L biết được T không phải là chủ sở hữu xe trên. Ngày 31/7/2015, anh L đã làm đơn tố cáo về hành vi lừa đảo của T đến Công an Thành phố T và giao nộp xe trên. [BL 762-767; 775-777; 783-787; 800-803; 808-809].

**5. Vụ thứ năm:** Ngày 27/7/2015 T thuê xe nhãn hiệu Ford Everest biển số 93A-028.55 của ông Phạm Văn Q với giá 800.000đ/ngày kèm theo giấy tờ xe (bản photocopy), việc thuê xe có lập hợp đồng. Sau khi thuê xe, T thuê người

(không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả giấy Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Q và dán ảnh của T. Ngày 31/7/2014, T đem xe ô tô, giấy tờ xe Photocopy của ông Q và CMND mang tên Phạm Văn Q đến cửa hàng cầm cố T ở thị xã B, tỉnh Bình Dương do chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1975, HKTT: ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương làm chủ để cầm cố rồi chiếm đoạt tiền cầm cố. Sau khi kiểm tra thông tin Chứng minh nhân dân kèm giấy tờ xe thấy trùng khớp và hình trên chứng minh nhân dân là hình ảnh của T, chị H đồng ý nhận cầm cố xe ô tô trên với số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất 40.000đ/1.000.000đ/1 tháng và việc vay mượn có hợp đồng thế chấp. Ngày 13/5/2016, ông Q gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước tố cáo hành vi lừa đảo của T, đến ngày 02/6/2016 chị H đã giao nộp xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra. [BL 761-765; 767; 773-774; 777; 784; 796-799; 804-805]

Tổng số tiền bị cáo Trần Quốc T chiếm đoạt của các bị hại (chủ tiệm cầm đồ) là 1.940.000.000đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra quá trình điều tra xác định được ngoài việc làm giả đối với các tài liệu trên, thì năm 2014 bị cáo còn lên mạng Internet liên hệ với một người (không nhớ rõ tên, lai lịch) thuê làm giả các giấy tờ sau: 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 790050067384, do Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2014 cho Trần Quốc T với mục đích dùng cho việc đi lại; 01 Chứng chỉ tin học trình độ B số A5325352, mang tên Trần Quốc T; 01 Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B số A632533, mang tên Trần Quốc T; 01 Bằng cử nhân số 1308A00081, do Trường Đại học T cấp cho Trần Quốc T ngày 10/10/2013 với mục đích để xin việc làm nhưng T chưa sử dụng.

Tại Cáo trạng số 05/CTr-VKS-P3 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

#### ***Tại phiên tòa:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù về

tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Yêu cầu tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội trên.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát vừa công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Về tội danh Luật sư cho rằng bị cáo làm giả con dấu, tài liệu cơ quan tổ chức nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chỉ cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Bị cáo Trần Quốc T không tranh luận, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quốc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tang vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2015, bị cáo lợi dụng dịch vụ thuê xe ô tô tự lái có thủ tục đơn giản, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã nhiều lần thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Huy B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trường A, Trần Quốc T và Phạm Văn Q sau đó thuê người làm giả các giấy tờ tài liệu rồi mang xe cùng các giấy tờ tài liệu đến cầm cố cho các chủ tiệm cầm đồ rồi nói dối với họ là: xe ô tô là của bị cáo, xe ô tô là của người thân .v.v... để các chủ tiệm cầm đồ gồm ông Trần N, anh Đỗ Cao Duy L, chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Phúc V tin tưởng nhận cầm cố xe ô tô và cho bị cáo vay với tổng số tiền 1.940.000.000đ (một tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng). Mục đích của bị cáo là chiếm đoạt tiền của các chủ tiệm cầm đồ để tiêu xài, phò mặc chủ xe tự giải quyết. Bị cáo nhận thức được bản thân không có khả năng trả nợ và hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3]. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định hành vi thuê xe ô tô tự lái của người khác rồi đưa ra thông tin gian dối để chứng minh nguồn gốc xe của mình rồi cầm cố cho các chủ tiệm cầm đồ để chiếm đoạt tiền của bị cáo

T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); hành vi lên mạng Internet tìm người làm giả Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, với mục đích dùng cho việc đi lại; Chứng chỉ tin học trình độ B, Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B, Bằng cử nhân với mục đích để xin việc làm; giấy Chứng nhận đăng ký xe, giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để thực hiện hành vi trái pháp luật của bị cáo T đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 1 Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/1/2018 của Tòa án nhân dân tối Cao và NQ số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội cần áp dụng tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ” quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý đối với bị cáo. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các doanh nghiệp, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng bất bình trong nhân dân. Hơn nữa hành vi phạm tội làm giả giấy tờ là giấy Chứng nhận đăng ký xe, giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để thực hiện hành vi lừa đảo của bị cáo trong xã hội đang có chiều hướng gia tăng và ngày càng nghiêm trọng. Do vậy, đối với bị cáo cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[5]. Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các lần trên đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bà Nội của bị cáo là bà Đoàn Thị H được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống mỹ hạng ba, ông Nội của bị cáo là ông Trần T đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến có giấy chứng nhận và được hưởng chế độ người có công tại địa phương; cha ruột của bị cáo là ông Trần Văn Đ được Thủ tướng chính phủ tặng

bằng khen có thành tích trong công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho cả hai tội, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim V là cha, mẹ ruột bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay bị cáo. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản và nhận đầy đủ tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mà ông Đ, bà V đã bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe ô tô hiệu Toyota Zace biển số: 93A-039.45: Ngày 08/10/2014 anh Nguyễn Phúc V đã giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ. Ngày 15/11/2014, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả xe ô tô hiệu Toyota Zace biển số: 93A-039.45, 01 giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 008509, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2010225, 01 hóa đơn dịch vụ đăng kiểm số 011568, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ số 0003153 cho anh Nguyễn Huy B nên không xem xét.

- Đối với xe ô tô Toyota Camry biển số: 93A-052.27: Ngày 09/10/2014, ông Trần N đã giao nộp xe cùng toàn bộ giấy tờ cho cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ. Ngày 10/11/2014, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả xe biển số: 93A-052.27 và giấy chứng nhận kiểm định số KA2219975 cho anh Nguyễn Văn T nên không xem xét.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Sonata, biển số 60A-014.74 ông Trần Văn Đ (là cha ruột của T) đã liên hệ với ông Trần N trả số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để chuộc xe lại rồi giao cho anh Nguyễn Trường A nên không xem xét.

- Đối với xe Toyota Inova biển số 61P1-5706: Ngày 31/7/2015, anh Đỗ Cao Duy L đã giao nộp xe cùng các giấy tờ liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố T. Ngày 05/11/2015, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T bàn giao vật chứng là xe ô tô biển số 61P1-5706 cùng các giấy tờ liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 10/11/2015, Công an thị xã T lập biên bản về việc trả lại tài sản gồm: 01 xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số 61P1-5706, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 61P1-5706 (bản

photo), 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 61P1-5706 (bản photo) cho anh Trần Quốc T nên không xem xét.

- Đối với xe Ford Everest biển số 93A-028.55: Ngày 02/6/2016 chị Phạm Thị Thu H giao nộp xe cùng giấy tờ liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước. Ngày 01/7/2016, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước lập biên bản về việc trả lại tài sản gồm: 01 xe ô tô hiệu Ford Everest biển số: 93A-028.55, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 93A-028.55, 01 giấy bảo hiểm xe ô tô biển số: 93A-028.55, 01 giấy chứng nhận kiểm định số KA3590606 cho ông Phạm Văn Q nên không xem xét.

- Đối với số tiền 46.236.034 đồng (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm ba mươi bốn đồng) thu giữ của bị cáo T, ngày 04/8/2017 Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước đã xử lý chi trả tiền bồi thường cho bị hại Đỗ Cao Duy L nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 điện thoại Nokia 107, màu đỏ đen, số thuê bao 0973333338; 01 điện thoại Iphone 6S, màu hồng (không kiểm tra tình trạng máy bên trong), IMEI: 353266077399103, kèm số thuê bao di động 0918222999; 01 (một) điện thoại SamSung, màu vàng đen (không kiểm tra tình trạng máy bên trong), IMEI: 356911/07/359439/0, IMEI: 356912/07/359439/8, kèm số thuê bao di động 0907983868, 0913382239; 01 (một) điện thoại Nokia 220, màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong), IMEI: 353050069665485, IMEI: 353050069665493 trong quá trình điều tra do xét thấy các điện thoại này không phải là công cụ để bị cáo trực tiếp làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên vào ngày 10/8/2017 Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước đã xử lý trả lại cho gia đình bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Cần tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) bóp da màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) CMND mang tên Trần Quốc T; 01 (một) giấy phép lái xe số 790176116779; 01 (một) giấy phép lái xe số 790057017316; 01 (một) thẻ ATM số 9704366809685243016 của Ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ATM số 9704180031035413 (Không còn giá trị sử dụng) của Ngân hàng BIDV; 02 (hai) thẻ ATM số 970403694903643 (Tài khoản này không còn giá trị sử dụng) và số 9704033147769823 của Ngân hàng Sacombank; 01 (một) thẻ ATM số 9704162006320194 của Ngân hàng ACB; 02 (hai) thẻ ATM số 9704060995076696 (Tài khoản này không còn giá trị sử dụng) và số 9704061255640999 của Ngân hàng Đông Á; 02 biển số xe ô tô 93A-052.27 (số giả).

- Lưu theo hồ sơ các vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 000109 (tài liệu giả); 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1838083 (tài liệu giả); 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Quốc T (bản photo); 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Q (bản photo); 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 790050067384, do Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2014

cho Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Chứng chỉ tin học trình độ B số A5325352, mang tên Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B số A632533, mang tên Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Bằng cử nhân số 1308A00081, do Trường Đại học T cấp cho Trần Quốc T ngày 10/10/2013 (tài liệu giả); 02 giấy vay tiền ngày 10/9/2014 có chữ ký và chữ viết tên Trần Quốc T; Hợp đồng cầm xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số: 61P1-5706; 03 giấy nộp tiền ngày 08/7/2015, ngày 09/7/2015 và ngày 15/7/2015 tại Ngân hàng Sacombank và 01 Hợp đồng cầm xe ô tô hiệu Ford Everest biển số: 93A-028.55 ngày 31/7/2015.

[9]. Đối với các đối tượng làm giấy tờ giả cho T: Quá trình điều tra xác định T chỉ liên lạc qua mạng internet, các địa chỉ trên mạng xã hội thường xuyên thay đổi và đối tượng chỉ sử dụng sim rác để liên lạc. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét xử lý đối với các đối tượng này.

[10]. Ngoài việc làm giả các tài liệu trên, T còn làm giả thêm 02 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Quốc T và Phạm Văn Q. Tuy nhiên, do không thu được bản gốc nên không có tài liệu để trưng cầu giám định, do vậy không đủ cơ sở xem xét xử lý.

[11]. Đối với Vũ Đức Nam C khi được T nhờ cầm giúp xe ô tô BKS: 93A-039.45, do tin tưởng là xe của gia đình T nên đã đồng ý thực hiện. C không biết được hành vi gian dối của T và không được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt nên không đề nghị xử lý.

[12]. Đối với Nguyễn Phúc V đã có hành vi nhận cầm cố xe ô tô không chính chủ đã vi phạm quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực An ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề nghị xem xét xử lý.

[13]. Đối với Nguyễn Phúc V, Đỗ Cao Duy L, Phạm Thị Thu H cho T vay với lãi suất lần lượt là 2.000đ/triệu/ngày; 4,2%/tháng; 40.000đ/triệu/tháng nhưng chưa nhận được lãi suất từ bị cáo T và họ cũng không yêu cầu bị cáo T trả lãi nên hành vi của họ không có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng, đây chỉ là hành vi liên quan đến giao dịch dân sự.

[14]. Đối với ông Trần N, không xác định được lãi suất cho vay và ông N chưa nhận được lãi suất từ bị cáo T và cũng không yêu cầu bị cáo T trả lãi nên hành vi của ông N không có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng, đây chỉ là hành vi liên quan đến giao dịch dân sự.

[15]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bình Phước là có căn cứ nên được chấp nhận.

[16]. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[17]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Quốc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt:*

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/5/2016, được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 09/10/2014 đến ngày 17/10/2014.

3. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại và tài sản được trả lại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mà ông Đ, bà V đã bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) bóp da màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) CMND mang tên Trần Quốc T; 01 (một) giấy phép lái xe số 790176116779; 01 (một) giấy phép lái xe số 790057017316; 01 (một) thẻ ATM số 9704366809685243016 của Ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ATM số 9704180031035413 (Không còn giá trị sử dụng) của Ngân hàng BIDV; 02 (hai) thẻ ATM số 970403694903643 (Tài khoản này không còn giá trị sử dụng) và số 9704033147769823 của Ngân hàng Sacombank; 01 (một) thẻ ATM số 9704162006320194 của Ngân hàng ACB; 02 (hai) thẻ ATM số 9704060995076696 (Tài khoản này không còn giá trị sử

dụng) và số 9704061255640999 của Ngân hàng Đông Á; 02 biển số xe ô tô 93A-052.27 (số giả).

- Lưu theo hồ sơ các vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 000109 (tài liệu giả); 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1838083 (tài liệu giả); 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Quốc T (bản photo); 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Q (bản photo); 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 790050067384, do Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2014 cho Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Chứng chỉ tin học trình độ B số A5325352, mang tên Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B số A632533, mang tên Trần Quốc T (tài liệu giả); 01 Bằng cử nhân số 1308A00081, do Trường Đại học T cấp cho Trần Quốc T ngày 10/10/2013 (tài liệu giả); 02 giấy vay tiền ngày 10/9/2014 có chữ ký và chữ viết tên Trần Quốc T; Hợp đồng cầm xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số: 61P1-5706; 03 giấy nộp tiền ngày 08/7/2015, 09/7/2015 và 15/7/2015 tại Ngân hàng Sacombank và 01 Hợp đồng cầm xe ô tô hiệu Ford Everest biển số: 93A-028.55 ngày 31/7/2015.

5. *Án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp C tại TP.HCM; (2)
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Thư**